TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **120**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2018
V/v tranh chấp:"Không công nhận là vợ chồng "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 722/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Bạch Đằng, phường A, quận B, tHnh phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống vào năm 2012, đến năm 2014 thì tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Bà đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh nên không thường xuyên sống cùng

ông B, cách khoảng 2-3 ngày thì bà về ấp Bình Phú, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch với ông B.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B thường chơi cờ bạc, nhậu nhẹt rồi đem xe Honda đi cầm, bà khuyên can nhiều lần nhưng ông B không nghe mà còn đánh đập bà. Từ khoảng tháng 7/2017 thì bà và ông B không còn qua lại với nhau nữa. Nay bà đề nghị Tòa án xét xử không công nhận bà và ông B là vợ chồng vì sống chung không có đăng ký kết hôn.

- Con chung: không có.

- Tài sản chung: Bà không yêu cầu ông B chia cho bà số tiền 100.000.000 đồng nữa, chỉ yêu cầu ông B trả cho bà tiền mua cây tràm và tiền sửa nhà tổng cộng 5.000.000 đồng.

- Nợ chung: không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Nay bà H yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận là vợ chồng, ông đồng ý. Ông với bà H quen biết từ đầu năm 2014, nhưng chỉ là quan hệ bạn bè hợp tác làm ăn chung, sau đó nảy sinh tình cảm nên đến tháng 11/2014 (âm lịch) thì tổ chức cưới. Sau khi cưới, bà H về thành phố Hồ Chí Minh, chỉ thỉnh thoảng qua Nhơn Trạch thăm ông.

Ông với bà H chung sống không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Căn nhà lá cất trên đất mà ông giữ giùm cho ông Sơn, bà Ả, ông Đức là của ông làm trước khi chung sống với bà H, lúc chuẩn bị đám cưới bà H có phụ lót gạch (diện tích khoảng 15m^2), chi phí hết khoảng 1.700.000 đồng. Ngoài ra ông có mượn bà H số tiền 1.000.000 đồng để mua 2.000 cây tràm (trồng khoảng năm 2014), nhưng sau đó cây chết gần hết. Khi ông được những người nhờ giữ đất thỏa thuận bồi thường thì họ chỉ trả cho ông công giữ đất trên 20 năm, không bồi thường tài sản.

Nay ông tự nguyện thanh toán cho bà H số tiền sửa nhà và tiền mua cây tràm giống, tổng cộng 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Thu H rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 95.000.000 đồng, bà H chỉ yêu cầu ông B thanh toán cho bà 5.000.000đồng. Bà H, ông B không tranh chấp gì với ông Sơn, bà Ả, ông Đức. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ, cũng không yêu cầu triệu tập thêm người liên quan tham gia tố tụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thu H tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Văn B vào năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà H yêu cầu

xét xử không công nhận là vợ chồng với ông B. Ngoài ra bà H còn yêu cầu ông B thanh toán số tiền 5.000.000 đồng, ông B đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm chấp nhận yêu cầu khởi kiện không công nhận là vợ chồng của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Trần Thị Thu H yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Văn B vì ông bà chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Ông B cư trú tại ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định "Không công nhận là vợ chồng". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H, bị đơn là ông Nguyễn Văn B.

Do bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh Công ty H Đức thỏa thuận bồi thường cho ông B và bà H cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của Công ty nên không có căn cứ để xác định Công ty K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà M, ông N là ông Vũ Xuân H xác định việc thỏa thuận hỗ trợ cho ông B là hỗ trợ công giữ đất, ông B không ở trên đất mà cất chòi lá trên đất liền kề và ông L, bà M, ông N không có bất kỳ thỏa thuận nào với bà H, không biết bà H là ai. Mặt khác việc thỏa thuận hỗ trợ đã thực hiện xong, nay ông B và những người này đều không tranh chấp nên không đưa L, bà M, ông N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H chung sống với ông Nguyễn Văn B vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với ông B. Xét yêu cầu của bà H là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

[4]. Về tài sản: Tại phiên tòa bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông B thanh toán số tiền 95.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả tiền sửa nhà và tiền mua cây tràm tổng cộng 5.000.000 đồng, ông B đồng ý.

Xét thấy việc bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông B về việc thanh toán số tiền 95.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện và trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự cho bà H là phù hợp.

Việc ông B tự nguyện thanh toán cho bà H số tiền 5.000.000 đồng là phù hợp nên cần ghi nhận.

[5].Về nợ chung: Bà H và ông B khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6].Về án phí: Bà H phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch 5.000.000 đồng) theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 217, 220, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H về việc "Không công nhận là vợ chồng" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B.

1. Xử: Không công nhận bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B đồng ý thanh toán cho bà H số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự;

thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 007621 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho bà H số tiền 2.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Tòa án tỉnh; Thi Hnh án;
- UBND xã Long Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai